

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/DS-PT

Ngày: 18 - 01 - 2022

V/v tranh chấp đất đai, yêu cầu hủy
giấy chứng nhận quyền sử dụng
đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Ông Phan Nhứt Bình

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Hồng Phong

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 464/2020/TLPT-DS ngày 04 tháng 9 năm 2020 về việc: “Tranh chấp đất đai và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2020/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2904/2021/QĐPT-DS ngày 23 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Phạm Hồng P (chết ngày 15/7/2019):

1. Bà Doãn Thị N, sinh năm 1954 (vợ ông Phạm Hồng P) (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 22, đường số 8, Xóm 2, Thôn 1, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N: Luật sư Nguyễn Quốc P1 – Văn phòng Luật sư Quốc P1 – Đoàn luật sư tỉnh Bình Thuận (có mặt)

2. Ông Phạm Thanh N1, sinh năm 1979 (con ông Phạm Hồng P) (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 22, đường số 8, Xóm 2, Thôn 1, xã H, huyện T, tỉnh Bình

Thuận.

3. Bà Phạm Thị Thanh N2, sinh năm 1985 (con ông Phạm Hồng P) (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn 5, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

4. Bà Phạm Thị Thanh N3, sinh năm 1986 (con ông Phạm Hồng P) (vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm 2, Thôn 1, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

5. Bà Phạm Thị Thanh N4, sinh năm 1976 (con ông Phạm Hồng P) (vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm 4, Thôn 1, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

6. Bà Phạm Thị Thanh N5, sinh năm 1987 (con ông Phạm Hồng P) (vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm 2, Thôn 1, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

7. Ông Phạm Thanh N6, sinh năm 1989 (con ông Phạm Hồng P) (có mặt);

Địa chỉ: Xóm 2, Thôn 1, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Thanh N2, bà Phạm Thị Thanh N4, bà Phạm Thị Thanh N5: Ông Phạm Thanh N6, sinh năm 1989 (Giấy ủy quyền ngày 28/9/2019 và 08/12/2020).

- Bị đơn:

1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1973 (có mặt)

2. Bà Lê Thị T, sinh năm 1976 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà 46, đường số 8, Xóm 2, Thôn 1, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị T1, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 22, đường số 8, Xóm 2, Thôn 1, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị T1: Ông Phạm Thanh N6 (Giấy ủy quyền ngày 08/12/2020) (có mặt).

Địa chỉ: Xóm 2, Thôn 1, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

2. Ông Lê Văn H1, sinh năm 1935 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 44, đường số 8, Xóm 2, Thôn 1, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

3. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn K, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- *Người kháng cáo:* Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là ông Phạm Thanh N6.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/3/2018 và ngày 09/4/2018 bản khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, trình bày:

Năm 1985, gia đình của nguyên đơn được Ủy ban nhân dân xã H cấp khoảng 1 sào đất tại Xóm 2, Thôn 1, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Hiện nay nguyên đơn vẫn đang sử dụng nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Liên kế thừa đất của nguyên đơn là thửa đất hiện nay vợ chồng ông Lê Văn H và bà Lê Thị T đang sử dụng và đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thửa đất của nguyên đơn với thửa đất hiện nay ông H và bà T đang sử dụng nguyên thủy là cùng một thửa, được quy hoạch và chia cho các hộ gia đình chính sách có công với cách mạng. Cha của ông H là ông Lê Văn H1 được chia vào năm 1984, diện tích khoảng 2 sào chiều ngang khoảng 40m, chiều dài khoảng 50m.

Năm 1985, do trên địa bàn xã Huy Khiêm còn thừa ra rất nhiều hộ gia đình chính sách chưa có đất để sử dụng nên Nhà nước quy hoạch lại mỗi hộ chỉ được chia 1 sào, vì vậy thửa đất xã đã giao cho ông H1 trước đó được chia làm đôi, gia đình nguyên đơn được 1 sào, gia đình ông H1 sử dụng 1 sào. Hai thửa đất có diện tích bằng nhau, chiều ngang bằng nhau và bằng 20m, chiều dài bằng nhau và bằng 50m.

Thời gian đầu hai gia đình sử dụng đất ổn định, không tranh chấp. Giữa hai thửa đất có ranh mốc tự nhiên là một con đường mòn nối thông hai đường xóm, hiện nay là đường số 8 và đường số 6, cũng là ranh giới giữa hai thửa đất. Phía sau thửa đất của nguyên đơn và thửa đất cả ông H1 hiện nay do ông Nguyễn Duy Quốc (giáp đất ông H) và ông Nguyễn Thành Sơn giáp đất của nguyên đơn sử dụng. Con đường này được thể hiện trên bản đồ do cơ quan quản lý đất đai lập, thửa đất của nguyên đơn được sử dụng làm ruộng.

Đến năm 2010, nguyên đơn xây dựng một căn nhà cấp 4 trên thửa đất này và cho vợ chồng con trai con dâu là Phạm Thanh N1 và Phan Thị T1 mượn để ở, quản lý, canh tác thửa đất. Thửa đất của ông H1 sử dụng đến năm 1992 thì ông cho con dâu và con trai là Lê Văn H và Lê Thị T. Năm 1992, ông H và bà T dựng một căn nhà ngói để ở, phần đất phía sau canh tác lúa, về sau canh tác lúa không hiệu quả nên chuyển sang đào ao nuôi cá vào khoảng năm 2007, năm 2008.

Bắt đầu từ thời gian này ông H và bà T dùng máy mức, mức dần con

đường lần dần sang thửa đất của nguyên đơn, nguyên đơn nhiều lần yêu cầu ông H và bà T chấm dứt hành vi lấn chiếm đất, trả phần đất lấn chiếm lại cho nguyên đơn, nhưng hai người không hợp tác.

Năm 2015, ông H và bà T tự ý dựng hàng rào bằng lưới B40 trên đất của nguyên đơn, phía trước giáp đường số 8 lần sang đất của nguyên đơn 2,7m kéo dài từ trước ra đến đuôi vườn, phía cuối đuôi vườn lấn sang 1,2m (theo kết quả đo đạc xác định của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tánh Linh). Nguyên đơn phản đối thì ông H cho biết vợ chồng ông đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Việc Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H và bà T nguyên đơn hoàn toàn không biết, nguyên đơn là người sử dụng đất liền kề nhưng khi đo đạc lập bản đồ làm cơ sở cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H và bà T lại không có sự chứng kiến của nguyên đơn. Biên bản ký giáp ranh cũng không lấy ý kiến của nguyên đơn.

Như vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H và bà T là hoàn toàn thiếu khách quan không đúng quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Nhà nước quy định, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

- Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả lại phần đất lấn chiếm khoảng 100m² đúng theo ranh giới trong bản đồ địa chính xã Huy Khiêm mà nguyên đơn đã nộp cho Tòa án và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 206369 ngày 01/3/2016 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp đứng tên hộ ông Lê Văn H và bà Lê Thị T.

Bị đơn ông Lê Văn H, bà Lê Thị T trình bày:

Mảnh đất bị đơn đang sử dụng được Nhà nước cấp thuộc diện đất chính sách cấp cho cha là ông Lê Văn H1 diện tích khoảng 2.500m² vào năm 1984, đến khoảng năm 1989 do địa phương thiếu đất nên thu hồi lại 1.000m² cấp cho ông Phạm Hồng P (Thực ra mảnh đất đó nằm trong khu dân cư nên lúc đó Hợp tác xã nông nghiệp 1 Huy Khiêm chỉ cho mượn đất để sản xuất nông nghiệp, không có giấy tờ giao đất cụ thể cho từng người nên không xác định được tổng diện tích của 2 mảnh đất là bao nhiêu).

Đến năm 1994, cha Lê Văn H1 cho con là Lê Văn H cất nhà ở, từ đó đến nay bị đơn vẫn sử dụng mảnh đất ấy và được Ủy ban nhân dân huyện T đo đạc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn. Theo đơn khởi kiện của ông P thì ông lấn chiếm đất của ông P khoảng 100m². Ủy ban nhân dân xã Huy Khiêm nhiều lần đến thực địa kiểm tra đo đạc phân ranh diện tích của ông và ông P nhưng ông P nhất quyết không cho cán bộ địa chính xã Huy Khiêm đo mảnh đất của ông mà ông P buộc ông phải trả là chiều ngang 2 mét, chiều dài 50 mét nên các cuộc giải quyết không thành vì ông P đã lấn chiếm đất của bị đơn khoảng 2 mét chiều ngang, nay con ông P là Phạm Thanh N1 đã làm nhà trên mảnh đất đó. Ông không đồng ý với

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Văn H1 trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của Lê Văn H và Lê Thị T.

- Ủy ban nhân dân huyện T vắng mặt, có văn bản trình bày:

+ Việc Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 206369 ngày 01/3/2016 cho ông Lê Văn H và bà Lê Thị T là đúng trình tự, thủ tục của pháp luật đất đai hiện hành.

+ Ủy ban nhân dân huyện T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bác yêu cầu của ông Phạm Hồng P đối với nội dung: đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 206369 ngày 01/3/2016 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp đứng tên ông Lê Văn H và bà Lê Thị T.

- Ông Phạm Thanh N1, người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị T1 ông Nguyễn Phụng trình bày: Thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2020/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định:

Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phạm Hồng P (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Hồng P), bà Doãn Thị N về việc yêu cầu:

- Buộc ông Lê Văn H và bà Lê Thị T trả phần đất đã lấn chiếm có diện tích khoảng 100 m² tọa lạc tại Xóm 2, Thôn 1, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận;

- Yêu cầu thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 206369 ngày 01/3/2016 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp đứng tên ông Lê Văn H và bà Lê Thị T.

Có 02 Trích đo bản đồ vị trí khu đất tranh chấp ngày 06/8/2019 kèm theo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/6/2020, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là ông Phạm Thanh N6 có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn là ông Phạm Thanh N6 vẫn giữ kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (nay là những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn), buộc bị đơn phải trả lại ranh giới đất với diện

tích là 100m² cho gia đình ông Phạm Hồng P, bà Doãn Thị N. Ranh giới trước đây giữa 02 thửa là đường thẳng nhưng hiện nay bị đơn lấn ranh nên đường thẳng ranh này không còn. Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm nhận định, diện tích đất thực tế của ông H sử dụng ít hơn diện tích trên giấy chứng nhận được cấp để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng. Vì ông H đã đào ao dè lên ranh đất của hai bên, khi đo đạc không đo từ mép ranh của hai bên đo ra là không đúng.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng còn lại của ông P gồm: Bà Doãn Thị N, ông Phạm Thanh N1, bà Phạm Thị Thanh N2, bà Phạm Thị Thanh N4, bà Phạm Thị Thanh N5, bà Phạm Thị Thanh N3 (đều do ông Phạm Thanh N6 đại diện theo ủy quyền), đều thống nhất có ý kiến và yêu cầu như ông Nam.

Bị đơn là ông Lê Văn H, bà Lê Thị T có ý kiến thống nhất, không đồng ý kháng cáo của ông Nam, yêu cầu giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N là luật sư Nguyễn Quốc P1 phát biểu ý kiến: Phần đất do gia đình bên nguyên đơn sử dụng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên chưa xác định được diện tích thực tế so với diện tích được cấp sử dụng là thừa hay thiếu. Ông Phạm Thanh N1 là con ông P, bà N nhưng chỉ là người ở nhờ trên đất của ông P, bà N, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng ông N1 đã ký xác định ra giữa hai bên là không đúng chủ thể ký ranh. Ranh giới trước đây là đường thẳng nhưng hiện nay không còn, ranh giới bản đồ đạc lại không chính xác, bản đồ địa chính xã với bản đồ trên giấy chứng nhận cấp cho bị đơn có 02 số khác nhau về diện tích. So với phần diện tích đất thực tế mà bị đơn đang sử dụng là không thiếu so diện tích được cấp giấy chứng nhận. Gia đình nguyên đơn được cấp đất diện tích ngang là 20m, ông P lấy phía Ấp chiến lược và khai phá thêm nên diện tích có tăng hơn so với diện tích lúc ban đầu được cấp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật. Những người đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là bà Phạm Thị Thanh N3, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn H1 và Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận, vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những đương sự này.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là ông Phạm Thanh N6, kháng cáo cho rằng ông Lê Văn H1 được giao 2 sào đất (tương đương 2.000 m²), sau đó Ủy ban nhân dân xã Huy Khiêm lấy lại 1 sào đất (1.000 m²) để cấp cho gia đình nguyên đơn. Quá trình sử dụng, bị đơn lấn chiếm phần đất có diện tích 100 m² tọa lạc tại Xóm 2, Thôn 1, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận, thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 206369 ngày 01/3/2016 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp đứng tên ông Lê Văn H và bà Lê Thị T. Chứng cứ chứng minh là tờ bản đồ 04-1996 (Ủy ban nhân dân huyện T cung cấp là Tờ số 4 - Huy Khiêm) thể hiện:

- 104/1070 (thửa đất 104/diện tích 1.070m² do nguyên đơn sử dụng);
- 103/1080 (thửa đất 103/diện tích 1.080m² do bị đơn sử dụng).

[3] Bị đơn là ông Lê Văn H, bà Lê Thị T cho rằng năm 1984, ông Lê Văn H1 (cha bị đơn) được cấp 2.500 m², đến năm 1989 do địa phương thiếu đất nên thu hồi lại 1.000 m² để cấp cho ông P. Phần đất tranh chấp bị đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định pháp luật.

[4] Căn cứ vào lời trình bày của đương sự có cơ sở xác định, nguồn gốc phần đất tranh chấp là do Nhà nước giao cho ông Lê Văn H1 vào khoảng thời gian 1984 – 1985 và sau đó có sự phân chia diện tích đất được giao ban đầu cho gia đình nguyên đơn. Mặc dù, nguyên đơn, bị đơn trình bày có mâu thuẫn với nhau về diện tích đất mà ông H1 được giao ban đầu, nhưng trùng khớp với nhau về diện tích đất mà nguyên đơn được Nhà nước giao là 01 sào (tương đương 1.000 m²). Phù hợp với chứng cứ của nguyên đơn cung cấp là tờ bản đồ 04-1996 (Ủy ban nhân dân huyện T cung cấp là Tờ số 4 - Huy Khiêm) thể hiện 104/1070 (thửa đất 104/diện tích 1.070m²).

[5] Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận thể hiện diện tích đất ông Lê Văn H và bà Lê Thị T sử dụng đo đạc hiện trạng là số thửa 103, diện tích 1.084,9m². Diện tích đất ông Phạm Hồng P, bà Doãn Thị N sử dụng đo đạc hiện trạng tổng cộng là 1.464,5m² (số thửa 104, diện tích 1.394,6m² + diện tích 69,9m² theo ý kiến của nguyên đơn là diện tích của bờ gom, bờ ranh Ấp chiến lược).

[6] Đối chiếu với tờ bản đồ 04-1996 (Tờ số 4 – Huy Khiêm) nêu tại mục [4], với diện tích thực tế mà nguyên đơn đang sử dụng nêu tại mục [5] thì thừa

324,6 m² (đã trừ 69,9 m² mà nguyên đơn cho rằng là diện tích của bờ gom, bờ ranh Ấp chiến lược). Như vậy, ngay cả khi chưa tính 100 m² đất tranh chấp thì diện tích đất mà nguyên đơn đang sử dụng đã dồi dư ra nhiều so với diện tích được giao. Trong khi đó, nếu diện tích 100 m² đất đang tranh chấp được tính vào phần đất của bị đơn thì diện tích bị đơn sử dụng bị thiếu so với diện tích đất được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[7] Mặt khác, theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà T thì tại Bản mô tả ranh, mốc giới thửa đất ngày 14/12/2014 thể hiện chi tiết mốc giới, ranh giới thửa đất có ký tên xác nhận của ông Phạm Thanh N1 (con trai ông P). Ông N1 không thừa nhận chữ ký trên nhưng ông N1 xác định có ký vào giấy tờ với tư cách người giáp ranh, đồng thời ông N1 cũng không yêu cầu giám định chữ ký trong văn bản này. Hơn nữa, nguyên đơn xác định phần đất có chiều rộng 20m, chiều dài 50m nhưng đo đạc hiện trạng thì chiều rộng 27,26m (tính từ hàng rào lưới B40 của ông Lê Văn H), không tính 1,50m chiều rộng bờ ranh, bờ gom nên kích thước cạnh chiều rộng đất của nguyên đơn vẫn đảm bảo quyền lợi. Do đó, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[9] Các phần khác của quyết định bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo phải chịu theo quy định pháp luật án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là ông Phạm Thanh N6; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 11/2020/DS-ST ngày 12/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Áp dụng vào khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về

việc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phạm Hồng P (nay có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Hồng P), bà Doãn Thị N về việc yêu cầu:

- Buộc ông Lê Văn H và bà Lê Thị T trả phần đất đã lấn chiếm có diện tích khoảng 100 m² tọa lạc tại Xóm 2, Thôn 1, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận;

- Thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 206369 ngày 01/3/2016 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp đứng tên ông Lê Văn H và bà Lê Thị T.

Có 02 Trích đo bản đồ vị trí khu đất tranh chấp ngày 06/8/2019 kèm theo.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Thanh N6 phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được cản trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0005054 ngày 06/7/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- NĐ (6);
- BD (2);
- NLQ (3);
- Lưu (10) 26b (ÁnPPC).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Phan Nhựt Bình